

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 22 - 9 - 2022

V/v xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị

Ng và anh Trần Văn S

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Phương.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022, giữa:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng - Sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định.

\* Bị đơn: Anh Trần Văn S - Sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị Ng, vắng mặt anh S.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ng tại các buổi làm việc và tại phiên tòa thể hiện: Chị và anh Trần Văn S kết hôn

tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/5/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn Q, huyện N, hai vợ chồng đều làm ăn tự do. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, cách sống khác nhau, anh S ham chơi không lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng. Đến năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ng đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ng xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Phương L, sinh ngày 10/10/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 10/11/2015 (Hiện hai con chung đang ở với chị Ng). Sau khi ly hôn, chị Ng xin được tiếp tục nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Trần Văn S không có mặt. Lời khai của bà Đinh Thị S (là mẹ đẻ của anh Trần Văn S) tại các buổi làm việc với Tòa án trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn của chị Ng với anh S đúng như lời khai của chị Nguyễn Thị Ng khai báo. Sau khi kết hôn vợ chồng anh S chị Ng chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng anh S chị Ng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh S chị Ng ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình chung sống giữa anh S và chị Ng có hai con chung là cháu Trần Phương L, sinh ngày 10/10/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 10/11/2015 (Hiện hai con chung đang ở với chị Ng). Do anh S không có mặt để nhận trực tiếp nên gia đình đã nhận thay và đã thông báo cho anh S đầy đủ. Sau khi anh S nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ng, xử ly hôn giữa chị Ng và anh S; xử giao cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung của vợ chồng là cháu Trần Phương L, sinh ngày 10/10/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 10/11/2015; anh S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn S cư trú tại thị trấn Q, huyện N. Nay chị Nguyễn Thị Ng xin ly hôn anh Trần Văn S, Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn S vắng mặt không có lý do nhưng anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ng, anh Trần Văn S trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/5/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Ng, anh S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh S ham chơi không lo gì cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh S, chị Ng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ năm 2019 đến nay. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Anh S đã biết việc chị Ng xin ly hôn anh nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã làm việc với bà Đinh Thị S (là mẹ đẻ của anh S) bà Sợi có quan điểm anh S đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đầy đủ nhưng anh S không có ý kiến gì. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ng và anh Trần Văn S ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng vẫn không đạt kết quả do vậy khả năng đoàn tụ không còn, nay chị Ng xin ly hôn anh S xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ng xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Phương L, sinh ngày 10/10/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày

10/11/2015 (Hiện hai con chung đang ở với chị Ng). Ly hôn chị Ng đề nghị Toà án tiếp tục giao hai con chung cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng chị Ng, anh S ly thân đến nay các con chung đều do chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, hiện các cháu vẫn đang sinh sống, học tập ổn định. Mặt khác cháu Phương L có nguyện vọng xin được ở với chị Ng. Phía anh S thường xuyên đi làm ăn xa và không có quan điểm gì về việc chăm sóc con chung. Do vậy việc giao hai con chung của vợ chồng cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần và đúng với nguyện vọng của hai cháu. Xét nguyện vọng không yêu cầu anh S đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung của chị Ng thấy bản thân chị Ng hiện đang là lao động tự do nhưng có thu nhập và nguyện vọng của chị là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ng không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Ng và anh Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là Trần Phương L, sinh ngày 10/10/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 10/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Ng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng (Hiện hai con chung đang do chị Ng nuôi dưỡng). Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ng phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp theo biên lai số 0000741 ngày 28/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Q;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Phạm Hùng Phương**